

Số: /KH-SNN Bình Phước, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH
Kế hoạch Chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin
lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT năm 2024

Căn cứ Quyết định số 2151/QĐ-BNN-VP ngày 15/6/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Kế hoạch chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 877/QĐ-BNN-CĐS ngày 29/03/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và PTNT năm 2024;

Căn cứ Nghị Quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2021 của Tỉnh ủy về việc chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Kế hoạch số 312/KH-UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/05/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Kế hoạch số 122/KH-BCĐ ngày 03/4/2024 của Ban chỉ đạo về Chuyển đổi số về việc ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo về Chuyển đổi số năm 2024;

Căn cứ Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 15/03/2024 của UBND tỉnh về việc Triển khai thực hiện Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ Trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 24/5/2023 của UBND tỉnh về triển khai Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 47/KH-SNN ngày 20/09/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc chuyển đổi số của ngành Nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030;

Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT năm 2024, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số của Sở Nông nghiệp và PTNT thực chất, hiệu quả, tiết kiệm, tạo bứt phá phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; góp phần hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội gắn với kêu gọi sự hỗ trợ, tư vấn, đồng hành của các doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng và công nghệ thông tin

chuyên nghiệp, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức đến hành động về chuyển đổi số của phòng, ban, đơn vị thuộc Sở và các tổ chức, cá nhân tham gia chuỗi giá trị nông nghiệp từ trung ương đến địa phương;

Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành về chuyển đổi số của các đơn vị trực thuộc Sở, địa phương trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Tăng cường trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở trong việc triển khai chuyển đổi số;

Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm của Ban chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong năm 2024.

2. Yêu cầu.

Cụ thể các mục tiêu, chỉ tiêu, chỉ số cơ bản, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số của Sở trên cơ sở Chương trình Chuyển đổi số của tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Huy động mọi nguồn lực, sự tham gia của cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng trong triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số; các đơn vị chủ động, tích cực, kịp thời trong công tác phối hợp triển khai với mục tiêu là lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm của chuyển đổi số;

Xác định rõ lộ trình, thời gian hoàn thành, trách nhiệm thực hiện của đơn vị trong chuyển đổi số của đơn vị; tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, giám sát đối với Người đứng đầu đơn vị nhằm đảm bảo hoàn thành Kế hoạch Chuyển đổi số của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2024.

II. MỤC TIÊU

1. Về Chính quyền số.

- Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 100%.
- Tích hợp 100% các dịch vụ công trực tuyến với Cổng Dịch vụ công quốc gia; 95% người dân và doanh nghiệp hài lòng về giải quyết thủ tục hành chính.
- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt 100%.
- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý hoàn toàn trực tuyến (toàn trình) đạt 80%.
- Tỷ lệ số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đạt 90%.
- Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 90%.
- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên cổng Dịch vụ công Quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt 70%.
- Tỷ lệ các hoạt động kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý đạt 50%.

- Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục (không áp dụng đối với dữ liệu phục vụ công tác quân sự, quốc phòng) đạt 50%.

- Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật): cấp tỉnh đạt 100%.

- Tỷ lệ hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh đảm bảo an toàn theo cấp độ quy định đạt 100%.

- 100% người làm việc trong ngành được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số, trong đó 30% được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu.

- 50% các thiết bị quan sát, giám sát sử dụng công nghệ số, bảo đảm thu nhận trực tiếp dữ liệu số, sử dụng công nghệ Internet kết nối vạn vật (IoT) để tích hợp trên không và mặt đất phục vụ các hoạt động nông nghiệp.

- Tiến tới 70% công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và chuyên môn của ngành hoàn toàn dựa trên phân tích, xử lý dữ liệu sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI); trong đó đến 80% công tác giám sát, dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch trong nông nghiệp dựa trên phân tích, xử lý dữ liệu lớn theo thời gian thực, hỗ trợ ra quyết định chính xác, kịp thời, đúng quy định.

2. Về Hạ tầng số.

- Tỷ lệ công chức, viên chức và người lao động có điện thoại thông minh đạt trên 100%.

- Tỷ lệ các, phòng, ban đơn vị thuộc Sở được phủ mạng internet băng thông rộng cáp quang đạt trên 90%.

- Tỷ lệ các, phòng, ban đơn vị thuộc Sở được phủ sóng bởi mạng di động đạt 100%.

3. Về Kinh tế số.

- Tỷ trọng kinh tế số trong nông nghiệp khoảng 10%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nông nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 50%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nông nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%.

4. Về Xã hội số.

- Tỷ lệ công chức, viên chức và người lao động có điện thoại thông minh cài đặt ứng dụng “Binhphuoc today” đạt 70%.

- Tỷ lệ công chức, viên chức và người lao động có tài khoản thanh toán điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 50% trở lên.

- Tỷ lệ công chức, viên chức và người lao động đủ điều kiện có tài khoản định danh điện tử mức 2 đạt 100%.

- Tỷ lệ công chức, viên chức và người lao động có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 85%.

- Tỷ lệ công chức, viên chức và người lao động có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 100%.

- Tỷ lệ công chức, viên chức và người lao động dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%.

III. NHIỆM VỤ

1. Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ năm 2024 theo phân công của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Quyết định số 877/QĐ-BNN-CĐS ngày 29/03/2024, Tỉnh ủy tại Nghị Quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh tại Kế hoạch số 312/KH-UBND ngày 13/10/2021, Ban chỉ đạo chuyển đổi số tại Kế hoạch số 122/KH-BCĐ ngày 03/4/2024 và Kế hoạch số 47/KH-SNN ngày 20/09/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành về chuyển đổi số của các thành viên Ban chỉ đạo chuyển đổi số của Sở Nông nghiệp và PTNT. Tăng cường trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT trong việc triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số;

Tăng cường và đổi mới công tác đào tạo, tập huấn, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kiến thức, pháp luật về CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân sản xuất nông nghiệp;

Quán triệt mục tiêu chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn là nhiệm vụ thường xuyên, xuyên suốt của Sở Nông nghiệp và PTNT cũng như của các đơn vị trực thuộc Sở, Ngành;

Quảng bá các dịch vụ công trực tuyến, các công cụ hỗ trợ để tổ chức, công dân có thể tương tác, trao đổi với các cơ quan, chính quyền trong quản lý về Nông nghiệp, nông thôn;

Hoàn thiện Chính quyền điện tử và xây dựng Chính quyền số trong quản lý nhà nước về Nông nghiệp và PTNT; Xây dựng Xã hội số khu vực nông thôn; Phát triển Kinh tế số nông nghiệp, nông thôn;

Hài hòa, hợp lý, an toàn, minh bạch thông tin trong quảng bá, chia sẻ thông tin trên không gian mạng, các phương tiện thông tin điện tử đối với công tác quản lý, sản xuất nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

2. Xây dựng thể chế.

Thực hiện đầy đủ các văn bản chỉ đạo hướng dẫn của cấp trên, kịp thời ban hành các văn bản triển khai đến cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị như các kế hoạch về công tác cải cách hành chính, tuyên truyền cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số...

Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống Văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế chính sách để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới, sáng tạo trong lĩnh vực theo dõi quản lý.

Rà soát, đề xuất sửa đổi bổ sung các chương trình, kế hoạch để phù hợp với thực tiễn trong quá trình thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn.

Tham mưu ban hành chính sách hỗ trợ Hợp tác xã, hộ nông dân ứng dụng công nghệ 4.0, IOT trong sản xuất, tham gia sàn thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

3. Xây dựng hạ tầng số.

Xây dựng kế hoạch, kinh phí để trang bị hệ thống máy vi tính, internet, wifi phù hợp tại trụ Sở Nông nghiệp và PTNT để phục vụ các chương trình, hội nghị, kết nối, công tác chuyển đổi số.

4. Xây dựng nền tảng dữ liệu số.

Đẩy mạnh triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án số hoá, chuyển đổi số. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Từng bước hình thành các hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở.

Triển khai thực hiện Hệ thống thông tin báo cáo bảo đảm tích hợp, chia sẻ dữ liệu số phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp theo thời gian thực.

Phối hợp triển khai cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo hướng dẫn của Bộ, Ngành, Trung ương, tỉnh, cụ thể:

4.1 Cơ sở dữ liệu quản lý Chăn nuôi, Thú y:

Hệ thống cơ sở dữ liệu về chăn nuôi; hệ thống quản lý thông tin dịch bệnh động vật, thủy sản.

4.2 Về Trồng trọt và Bảo vệ thực vật:

+ CSDL quốc gia về trồng trọt: CSDL giống cây trồng được lưu hành, giống cây trồng được bảo hộ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng;

+ Tiếp nhận và tham gia điều chỉnh, nâng cấp, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu: Phần mềm nhận diện sinh vật gây hại cây trồng; app tra cứu thuốc BVTV; xây dựng cơ sở dữ liệu tra cứu về phân bón (CSDL quản lý nhà nước về Chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón; Chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật);

+ Cơ sở dữ liệu mã số vùng trồng, vùng sơ chế phục vụ xuất khẩu và dữ liệu hoạt động trồng trọt khác.

+ CSDL Về tình hình sinh vật gây hại cây trồng hàng tuần, tháng, vụ, năm và dự tính dự báo (Phần mềm quản lý dữ liệu bảo vệ thực vật PPDMS 2.0: Phục vụ cho công tác thống kê, dự tính, dự báo tình hình sinh vật gây hại trên cây trồng;

đề xuất, định hướng các giải pháp phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng trên phạm vi toàn tỉnh); cơ sở dữ liệu về kiểm dịch thực vật (KDTV) xuất khẩu, nhập khẩu;

4.3 Về quản lý chất lượng và chế biến Nông lâm sản và thủy sản, Phát triển nông thôn:

Thu thập thông tin về CSDL về sản phẩm OCOP, thu thập thông tin về CSDL về trang trại – HTX, thu thập thông tin về CSDL về cơ sở chế biến Nông nghiệp. Dữ liệu công bố thông báo tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm thực phẩm, nông, lâm thủy sản. Xây dựng chuỗi cung ứng sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông lâm nghiệp, góp phần xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ điều hành cung cầu nông sản, dự báo thông tin thị trường nông sản chủ lực, Sàn giao dịch thương mại điện tử liên thông, liên kết.

4.4 Về Thủy lợi:

Thu thập thông tin dữ liệu đập, hồ chứa nước trên toàn tỉnh.

4.5 Về Lâm nghiệp:

Tiếp tục triển khai thực hiện phần mềm theo dõi diễn biến rừng FRMS 4.0 hàng năm (diễn biến rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất) và phần mềm quản lý cơ sở nuôi động vật hoang dã và đồng bộ lên hệ thống chuyên ngành.

4.6 Về Thanh tra: nhập liệu cơ sở dữ liệu báo cáo lĩnh vực Thanh tra.

4.7 Về hành chính tổng hợp: Xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa lĩnh vực thủ tục hành chính, tiếp nhận và trả kết quả trong ngành nông nghiệp.

5. Phát triển kinh tế số nông nghiệp.

Xây dựng chương trình, dự án thực hiện nhiệm vụ số hóa vùng nguyên liệu xuất khẩu, sản xuất, chế biến các sản phẩm chủ lực của tỉnh;

Theo dõi chương trình phát triển kinh tế nông nghiệp.

Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị và sản phẩm OCOP từng bước số hóa;

Hỗ trợ Hợp tác xã Tiêu hữu cơ Lộc Quang (huyện Lộc Ninh) và Hợp tác xã Phước Thiện (huyện Bù Đốp) thực hiện chuyển đổi số điển hình mẫu về sản xuất, kết nối nông nghiệp thông minh có quy mô vừa và lớn.

6. Phát triển Xã hội số nông thôn, nông dân.

Tổ chức tập huấn, tuyên truyền và đào tạo cho doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân ứng dụng công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp, quản trị sản xuất;

Tham mưu chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và người dân sản xuất từng bước thực hiện chuyển đổi số;

Phát triển xã hội số gắn liền với xây dựng Nông thôn mới hoàn thiện các tiêu chí Nông thôn mới, Nông thôn mới nâng cao;

Tập trung mục tiêu phấn đấu triển khai xây dựng thôn/xã thông minh trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở và nhân ra diện rộng.

Khuyến khích và thúc đẩy các doanh nghiệp, người dân tham gia các hoạt động trong nông nghiệp tăng cường ứng dụng công nghệ số (như IoT, AI, máy bay không người lái...) vào quy trình sản xuất, cung cấp dịch vụ nông nghiệp; quản lý, truy xuất nguồn gốc nông sản; hình thành hệ sinh thái nông nghiệp số nhằm tăng năng suất lao động, giảm chi phí đầu vào, cải thiện chất lượng sản phẩm và giảm rủi ro trong sản xuất.

7. Phát triển an toàn thông tin.

Thực hiện công tác đảm bảo an toàn thông tin và nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động về vai trò của việc đảm bảo an toàn thông tin.

Đào tạo, tập huấn, nâng cao kỹ năng, kiến thức công nghệ thông tin, công nghệ số cho đội ngũ cán bộ, công chức nòng cốt để triển khai thực hiện chuyển đổi Nhân lực số ngành Nông nghiệp và PTNT.

Tăng cường gắn kết, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có chuyên môn về công nghệ thông tin, an toàn thông tin. Có giải pháp về đảm bảo số lượng và nâng cao về chất lượng cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, an toàn thông tin đáp ứng việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin tại Sở.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, các mô hình chuyển đổi số đi tiên phong, có hiệu quả cao của tổ chức, cá nhân tham gia chuỗi giá trị nông nghiệp trên các phương tiện truyền thông của tỉnh, của ngành nông nghiệp nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp.

- Tuyên truyền về chuyển đổi số thông qua các hội nghị, tập huấn chuyên ngành; các mô hình tốt, cách làm hay trong thực hiện chuyển đổi số.

- Phân công các đơn vị thực hiện viết bản tin, bài về chuyển đổi số trong chuyên mục chuyển đổi số trên trang thông tin điện tử của Sở.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp.

- Tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số.

- Phối hợp, thu thập thông tin doanh nghiệp về sử dụng nền tảng số, hợp đồng điện tử, nộp thuế điện tử.

3. Triển khai, xây dựng các phần mềm ứng dụng, công cụ hỗ trợ trên nền tảng số

- Tiếp tục, thu thập thông tin vận hành hiệu quả các phần mềm và các cơ sở dữ liệu của ngành hiện có; nghiên cứu xây dựng các phần mềm và ứng dụng trên các nền tảng công nghệ thông tin hỗ trợ cho hoạt động của cơ quan, tổ chức và tương tác với người dân, doanh nghiệp qua nền tảng số.

- Xây dựng kênh thông tin mạng xã hội của cơ quan, đơn vị để thu hút tương tác giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan, đơn vị (Fanpage facebook, Zalo,...).

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Lồng ghép từ các nguồn vốn thực hiện các chương trình, dự án đã giao cho các đơn vị, phòng ban thực hiện trong năm 2024. Các phòng, ban, đơn vị trên cơ sở nội dung kế hoạch này, chủ động xây dựng các dự án, đề án và chương trình ứng dụng công nghệ thông tin của phòng, đơn vị đã được bố trí từ ngân sách thực hiện.

- Nguồn kinh phí nhà nước từ vốn đầu tư công của tỉnh.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc chuyển đổi số Sở Nông nghiệp và PTNT

Ban có nhiệm vụ tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo, điều phối hoạt động trong tổ chức triển khai các nhiệm vụ; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; chỉ đạo xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện Chuyển đổi số của ngành;

Triển khai xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện, kiểm tra và tổng kết báo cáo kết quả thực hiện các kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn, hàng năm của Ngành Nông nghiệp và PTNT;

Ứng dụng các công nghệ mới vào hoạt động chỉ đạo, điều hành của ngành Nông nghiệp và PTNT;

Theo dõi các dự án công nghệ thông tin của các đơn vị thuộc Sở, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để tích hợp cơ sở dữ liệu ngành Nông nghiệp và PTNT vào Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong quá trình xây dựng các hệ thống thông tin và thực hiện tuyên truyền đảm bảo an toàn thông tin mạng.

2. Các phòng, ban, đơn vị.

Trên cơ sở Kế hoạch của Sở, xây dựng kế hoạch chi tiết, triển khai thực hiện một số nhiệm vụ chính cần quan tâm:

2.1 Văn phòng Sở.

Chủ trì, phối hợp các đơn vị trực thuộc Sở, các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch.

Căn cứ nội dung của Kế hoạch này phổ biến đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, triển khai thực hiện có hiệu quả.

Theo dõi, đôn đốc tiến độ triển khai thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị; kịp thời báo cáo Ban Giám đốc Sở những khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong quá trình thực hiện kế hoạch.

Định kỳ báo cáo kết quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở.

Tổng hợp đăng ký các chương trình, dự án chuyển đổi số, số hoá nông nghiệp, nông thôn gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp trình UBND tỉnh.

Cử công chức chuyên trách CNTT tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu và nâng cao về các công nghệ mới, kiến thức chuyển đổi số, phương thức xây dựng các hệ thống thông tin trong chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin do Sở Thông tin và Truyền thông.

Tổ chức các hoạt động tuyên dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện chuyển đổi số của ngành Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Phước.

Xây dựng chuyên mục về chuyển đổi số trên bản tin ngành, bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử của ngành.

Tuyên truyền, hưởng ứng các chương trình “Ngày chuyển đổi số Quốc gia 10/10” của Bộ Thông tin và Truyền thông, “Ngày chuyển đổi số trong nông nghiệp 19/8” do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức.

Rà soát xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa lĩnh vực thủ tục hành chính, tiếp nhận và trả kết quả trong ngành nông nghiệp.

Chủ trì phối hợp với các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở theo dõi thực hiện các mục tiêu trong năm 2024.

Hàng năm đăng ký các dự án, chương trình chuyển đổi số về Văn phòng Sở để tổng hợp đăng ký với Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp trình UBND tỉnh.

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về các lĩnh vực chuyên ngành phụ trách và tích hợp, kết nối với các cơ sở dữ liệu chung của tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT, quốc gia nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước và thống kê chuyên ngành.

Tổ chức lồng ghép các nội dung trong chương trình, kế hoạch, đề án do Sở xây dựng hàng năm với việc thực hiện công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số liên quan hoạt động của ngành.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu phát sinh các khó khăn, vướng mắc và các vấn đề phát sinh mới cần phải sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung thì các đơn vị trực thuộc có văn bản gửi về Sở để xem xét, tổng hợp xây dựng chỉnh sửa Kế hoạch hàng năm.

2.2. Phòng Kinh tế hợp tác.

Xây dựng chương trình, dự án thực hiện nhiệm vụ số hóa vùng nguyên liệu xuất khẩu, sản xuất, chế biến các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

Thu thập thông tin dữ liệu số về các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh (điều, cao su, tiêu, cây ăn trái.....)

Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị và sản phẩm OCOP từng bước số hóa.

Hỗ trợ Hợp tác xã Tiêu hữu cơ Lộc Quang (huyện Lộc Ninh) và Hợp tác xã Phước Thiện (huyện Bù Đốp) thực hiện chuyển đổi số điển hình mẫu về sản xuất, kết nối nông nghiệp thông minh có quy mô vừa và lớn.

Tổ chức tập huấn, tuyên truyền và đào tạo cho doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân ứng dụng công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp, quản trị sản xuất;

Tham mưu chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và người dân sản xuất từng bước thực hiện chuyển đổi số.

2.3. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

CSDL quốc gia về trồng trọt.

Tiếp nhận và tham gia điều chỉnh, nâng cấp, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu.

Cơ sở dữ liệu mã số vùng trồng, vùng sơ chế phục vụ xuất khẩu và dữ liệu hoạt động trồng trọt khác.

Triển khai Phần mềm quản lý dữ liệu bảo vệ thực vật PPDMS 2.0

2.4. Chi cục Kiểm lâm.

Triển khai đến các đơn vị trực thuộc, các phòng chuyên môn thực hiện các nội dung theo Kế hoạch này. Tiếp tục thu thập thông tin, cập nhật và đồng bộ dữ liệu vào phần mềm chuyên ngành về theo dõi diễn biến rừng (FRMS); quản lý các cơ sở gây nuôi động vật hoang dã theo đúng quy định.

2.5. Chi cục Thủy lợi.

Thu thập thông tin dữ liệu đập, hồ chứa nước trên toàn tỉnh.

2.6. Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

Hệ thống cơ sở dữ liệu về chăn nuôi; hệ thống quản lý thông tin dịch bệnh động vật, thủy sản.

2.7. Văn phòng Điều phối Nông thôn mới.

Triển khai thực hiện một số các mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 24/5/2023 của UBND tỉnh về triển khai Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2023-2025. Tập trung mục tiêu phấn đấu triển khai xây dựng thôn/xã thông minh trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở và nhân ra diện rộng.

Xây dựng Nông thôn mới hoàn thiện các tiêu chí Nông thôn mới, Nông thôn mới nâng cao.

2.8. Các phòng Kinh tế, phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, thị, Thành phố; Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của phòng và Kế hoạch của Sở tổ chức thực hiện hiệu quả công tác chuyển đổi số Nông nghiệp, nông thôn. Tùy vào tình hình thực tế tham mưu Kế hoạch chuyển đổi số cho địa phương mình.

Tổ chức triển khai tuyên truyền, nâng cao nhận thức về Chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và PTNT cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp khu vực nông thôn nắm rõ, thực hiện chủ chương chính sách của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn.

Phối hợp, hỗ trợ nhiệm vụ thực hiện rà soát, cập nhật dữ liệu chuyên ngành dùng chung của ngành Nông nghiệp và PTNT.

VII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO.

Định kỳ hằng Quý (trước ngày 15 của tháng cuối Quý) các đơn vị trực thuộc Sở đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số Nông nghiệp, nông thôn bằng văn bản gửi về Sở (thông qua Văn phòng Sở) để tổng hợp báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh thông qua Sở Thông tin và truyền thông và báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT năm 2024./.

Nơi nhận:

- TU, UBND tỉnh (b/c);
- Sở TT&TT(p/h);
- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở;
- Các phòng: Kinh tế-TP, TX;P.NN&PTNT các huyện (p/h thực hiện);
- Lưu: VT, KHTC (Tân/Danh).

GIÁM ĐỐC

Phạm Thụy Luân